TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02**/2020/LĐ-PT
Ngày: 17- 4-2020
V/v:"Tranh chấp tiền lương ngừng việc và bảo hiểm xã hội".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Quý

Ông Trần Vĩnh Yên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tín – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh ĐN.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh ĐN tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh ĐN xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 25/2020/TLPT-LĐ ngày 12/3/2020 về việc: "*Tranh chấp tiền lương ngừng việc và bảo hiểm xã hội"*.

Do bản án lao động sơ thẩm số 30/2019/LĐ-ST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố BH, tỉnh ĐN bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 13/2020/QĐ-PT ngày 17 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐPT-LĐ ngày 09/4/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Đào Thị TT**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: 159/6, KP6, phường TB, TP. BH, tỉnh ĐN.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông LTT, sinh năm 1976.

Địa chỉ liên hệ: số 14, đường HMC, phường HB, TP. BH, tỉnh ĐN (theo giấy ủy quyền ngày 27/3/2018).

Bị đơn: **Công ty cổ phần HV.**

Địa chỉ: Đường ĐX, khu phố 8, phường LB, TP. BH, tỉnh ĐN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông LVK – Chức vụ: Giám đốc Công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà NTA, sinh năm 1968.

Địa chỉ: 7/2, tổ 24, khu phố 4, phường BL, TP. BH, tỉnh ĐN (theo giấy ủy quyền ngày 08/11/2019).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: **Bảo hiểm xã hội tỉnh ĐN.**

Địa chỉ: 219, đường HHG, phường QT, TP. BH, tỉnh ĐN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông PMT – Chức vụ: Phó giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà ĐTPH, sinh năm 1976 – Chức vụ: Phó Chánh văn phòng (theo giấy ủy quyền ngày 04/4/2020).

Người kháng cáo: Công ty cổ phần HV – bị đơn.

(Ông T; bà H có đơn xin xét xử vắng mặt; bà A có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông LTT trình bày:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông T trình bày:

Bà Đào Thị TT được Công ty cổ phần HV nhận vào làm việc từ tháng 5/1991; Công ty không ký hợp đồng lao động. Đến tháng 02/2000, Công ty ký hợp đồng lao động xác định thời hạn 24 tháng (02 lần). Đến năm 2004, Công ty ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Năm 2006, Công ty ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn lần nữa. Đến tháng 01/2016, Công ty tiếp tục ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn; công việc làm là công nhân phân loại, chế biến lá thuốc. Mức lương hiện nay là 6.120.000đ.

Từ tháng 7/2016 đến tháng 12/2016, Công ty cho bà T ngừng việc 15 ngày; năm 2017, Công ty cho bà T ngừng việc 85 ngày; Tổng cộng là 100 ngày. Công ty trả tiền lương ngừng việc bằng với mức lương tối thiểu vùng do Nhà nước quy định từng năm; cụ thể: năm 2016 là 3.500.000đ/tháng; năm 2017 là 3.750.000đ, trong khi mức lương thỏa thuận trong hợp đồng lao động ngày 01/01/2016 giữa Công ty với bà T là 6.120.000đ/tháng. Việc Công ty trả tiền lương ngừng việc cho bà T bằng mức lương tối thiểu vùng do Nhà nước quy định mà không thỏa thuận với bà T là không đúng quy định pháp luật.

Ngày 26/10/2017, sau khi kiểm tra việc đóng Bảo hiểm xã hội tại cơ quan BHXH tỉnh ĐN, đối chiếu với việc Công ty ký hợp đồng lao động với bà từ tháng 02/2000, bà mới phát hiện Công ty không đóng BHXH cho bà từ tháng 5/1991 đến hết tháng 01/2000; tổng cộng là 104 tháng.

Nhận thấy Công ty trả lương ngừng việc cho bà không đầy đủ và không tham gia BHXH bắt buộc cho bà 104 tháng là trái quy định pháp luật.

Do vậy, nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty cổ phần HV phải thanh toán:

+ Tiền lương ngừng việc năm 2016 là 15 ngày: (6.120.000đ – 3.500.000đ) / 26 ngày x 15 ngày = 1.515.000đ; năm 2017 là 85 ngày: (6.120.000đ – 3.750.000đ) / 26 ngày x 85 ngày = 7.748.000đ.

Tổng cộng lương ngừng việc Công ty cổ phần HV phải trả thêm cho bà là: 9.263.000đ.

+ Truy đóng BHXH bổ sung từ tháng 01/1995 đến hết tháng 01/2000 là 104 tháng: 6.120.000đ x 22% x 104 tháng = 140.000.000đ. Nếu không đóng thì trả cho bà bằng tiền.

Tổng cộng 02 khoản bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty cổ phần HV phải thanh toán là 149.263.000đ.

Bị đơn Công ty cổ phần HV do bà NTA đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Đào Thị TT trước đây là công nhân tại Xí nghiệp Tách cộng theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Thời gian ký kết HĐLĐ làm việc tại Công ty từ tháng 1/2000.

Từ năm 11/1991– tháng 1/2000 bà có làm công việc theo thời vụ tại Công ty với công việc phân loại nguyên liệu thuốc lá tại phân xưởng chế biến, không có ký kết hợp đồng lao động hai bên chỉ thỏa thuận bằng miệng có việc thì thông báo vào làm, không có việc thì thông báo nghỉ nhưng có báo cho người lao động biết trước 03 ngày.

Công việc chính trong thời gian này là phân loại nguyên liệu thuốc lá tại phân xưởng chế biến.

Tiền lương trả theo ngày hoặc lương khoán theo nhóm đã có tính thêm 30% bao gồm BHXH, nghỉ phép, thưởng,… để người lao động tự lo nên không có bảng lương ổn định theo tháng, theo năm, người lao động nhận lương thông qua tổ trưởng hoặc theo nhóm không có ký nhận. Hiện nay công ty cũng không còn lưu giữ bản lương thể hiện mức lương bà nhận trong thời gian này nên không biết là bao nhiêu.

Do trong thời gian làm công việc theo mùa vụ nên Công ty không có đóng BHXH, BHYT và bà cũng không có ý kiến thắc mắc khiếu nại gì.

Đến tháng 1/2000, Công ty ký kết HĐLĐ xác định thời hạn với bà và từ đó đóng BHXH và BHYT đầy đủ cho bà.

+ Đối với yêu cầu khởi kiện đòi trả lương ngừng việc:

Công ty cổ phần HV là đơn vị thành viên của Tổng công ty TL Việt nam là tiền thân của Công ty nguyên liệu thuốc lá miền Nam là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa năm 2005 nhưng vốn nhà nước vẫn chiếm phần lớn.

Đặc thù hoạt động của công ty chủ yếu là trồng, thu hoạch, sơ chế thuốc lá, vụ mùa bắt đầu từ tháng 10 năm trước đến tháng 3 năm sau mới có thu hoạch, sản xuất kinh doanh của công ty mang tính thời vụ. Vì vậy, trong năm có nhiều đợt không có nguyên liệu sản xuất nên phải cho công nhân nghỉ hưởng lương ngừng việc.

Trong những năm qua do tác động của thị trường nguyên liệu thuốc lá trong nước và ngoài nước có sự cạnh tranh gay gắt nên tình hình tiêu thụ nguyên liệu thuốc lá khó khăn ảnh hưởng rất lớn đền doanh thu của Công ty. Mặt khác do ảnh hưởng tình hình thời tiết thiên tai dịch bệnh diễn biến phức tạp, Luật phòng chống tác hại thuốc lá cũng ảnh hưởng đến tâm lý của người tiêu dùng, do đó quy mô đầu tư vùng nguyên liệu thuốc lá của Công ty ngày càng thu hẹp. Cụ thể:

- Năm 2014: Chấm dứt hoạt động 4 chi nhánh nguyên liệu tại: tỉnh BĐ, tỉnh PY, LA, KH (có kèm theo Thông báo của Phòng ĐKKD Sở KHĐT).

- Năm 2015: Chấm dứt hoạt động 2 chi nhánh nguyên liệu tại tỉnh BT, tỉnh AG (có kèm theo Thông báo của Phòng ĐKKD Sở KHĐT tỉnh).

- Năm 2017: Chấm dứt hoạt động 2 chi nhánh nguyên liệu tại: Tỉnh BRVT, Thị xã LK, tỉnh ĐN (có kèm theo Thông báo của Phòng ĐKKD Sở KHĐT tỉnh).

Tính đến nay Công ty đã giải thể 8 chi nhánh trồng nguyên liệu trong tỉnh và ngoài tỉnh nên Công ty thường xuyên thiếu nguyên liệu sản xuất, mặc dù Công ty gặp khó khăn về kinh tế và thu hẹp quy mô sản xuất, doanh số hàng năm phải giảm nhiều nhưng Công ty vẫn cố gắng duy trì số lượng lao động. Trong thời gian ngừng việc Công ty vẫn thực hiện việc đúng quy định của BLLĐ để giảm bớt khó khăn cho người lao động và cũng động viên người lao động cố gắng chia sẻ một phần khó khăn của Công ty.

Theo Thỏa ước lao động tập thể của Công ty ban hành ngày 26/4/2016 – 2018, Phụ lục Thỏa ước lao động tập thể năm 2016 – 2018 tại Điều 12 quy định: "*Tiền lương trả cho người lao động được thực hiện theo Quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng của Công ty"*.

Căn cứ Nghị định 49/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành BLLĐ về tiền lương. Năm 2016 Công ty đã tiến hành xây dựng Hệ thống thang lương, bảng lương và Quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng của Công ty trên cơ sở kết quả tiến hành tham khảo ý kiến đóng góp của toàn thể đơn vị trực thuộc, tổ chức đại diện tập thể lao động Công ty theo đúng quy định tại Điều 93 BLLĐ, trong quá trình xây dựng hệ thống thang lương bản lương, tổ chức thương lượng tập thể tại Hội Nghị người lao động thường niên (2016 - 2017) để lấy ý kiến biểu quyết thông qua thang lương, bảng lương trước khi ký ban hành Quyết định số 19/CĐ-CPHV ngày 28/1/2016 về việc ban hành Quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng của Công ty và Quyết định số 28/QĐ-CPHV về việc ban hành thang lương, bảng lương áp dụng từ ngày 01/01/2016. Ngày 02/02/2016, Phòng Lao động thương binh và Xã hội của thành phố Biên Hòa có văn bản số 140/LĐTBXH xác nhận việc việc đăng ký của Công ty.

Để triển khai thực hiện trong toàn thể công nhân lao động, Công ty đã giao cho các Xí nghiệp bộ phận niêm yết triển khai tới từng người lao động. Theo Điều 19 của Quy chế tiền lương của Công ty quy định tiền lương ngừng việc của người lao động được tính theo công thức sau:

$$\text{Tiền lương ngừng việc} = \frac{\text{Mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định}}{\text{Số ngày làm việc tiêu chuẩn trong tháng}} \times \text{Số ngày thực tế nghỉ}$$

Trong nhiều năm qua mặc dù gặp rất nhiều khó khăn trong sản xuất nhưng Công ty vẫn đảm bảo trả lương đầy đủ cho người lao động đúng quy định; trong đó

lương ngừng việc của bà T: Năm 2016: 3.500.000 đồng/tháng; Năm 2017: 3.750.000 đồng/tháng là đúng quy định. Bởi vì mức lương này được quy định trong Quy chế tiền lương của Công ty và có đăng ký với cơ quan có thẩm quyền là Phòng LĐTBXH thành phố Biên Hòa, tại văn bản số 140/LĐTBXH ngày 02/02/2016 của Phòng LĐTBXH có ý kiến "*Đề nghị đơn vị xây dựng Quy chế tiền lương để áp dụng trả lương cho người lao động theo hệ thống thang lương đã đăng ký"* và Công ty đã triển khai nội dung Quy chế đầy đủ đến người lao động trước khi thực hiện như niêm yết công khai tại các xí nghiệp trực thuộc và Ban chấp hành Công Đoàn đã triển khai đến từng người lao động trong Công ty.

Tại Khoản 1 Điều 84 BLLĐ về thực hiện thỏa ước lao động tập thể doanh nghiệp ghi rõ: "*Người sử dụng lao động, kể cả người lao động vào làm việc sau ngày thỏa ước lao động tập thể có hiệu lực có trách nhiệm thực hiện đầy đủ thỏa ước lao động tập thể"*.

Tại khoản 4 Điều 3 BLLĐ nêu rõ: "Tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở là Ban chấp hành Công Đoàn cơ sở".

Theo quy định tại Điều 10 Luật Công đoàn và Nghị định số 43/2013/NĐ-CP ngày 10/5/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Điều 10 của Luật Công đoàn về quyền, trách nhiệm của Công đoàn trong việc đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp chính đáng của người lao động thì công đoàn cơ sở có 10 nhóm quyền, trách nhiệm, trong đó có "Đại diện cho tập thể người lao động thương lượng, ký kết và giám sát việc thực hiện thỏa ước lao động tập thể".

Căn cứ các quy định nêu trên, Công ty đã trả lương ngừng việc cho bà T theo mức lương tối thiểu vùng cho số ngày nghỉ ngừng việc trong năm 2016 và năm 2017 là đúng quy định vì đã được quy định trong Thỏa ước lao động tập thể của Công ty và Quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng của Công ty, các văn bản này được xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện theo đúng trình tự thủ tục của quy định pháp luật về lao động.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Công ty trả lương ngừng việc 15 ngày năm 2016 và 85 ngày năm 2017 với số tiền 9.263.000 đồng là không có cơ sở.

Ngoài ra, Công ty cổ phần HV đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện bởi vì đơn khởi kiện bà T tháng 2/2018 như vậy đối với số ngày nghỉ ngừng việc bà đã lĩnh từ tháng 7 năm 2016 đến tháng 01 năm 2017 (khoảng 15 ngày) đã hết thời hiệu khởi kiện.

Do vậy, Công ty cổ phần HV đề nghị Tòa án đình chỉ đối với một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu lương ngừng việc của nguyên đơn.

+ Đối với yêu cầu truy đóng BHXH:

Bà Đào Thị TT ký kết HĐLĐ làm việc tại Công ty cô phần HV từ 01/2000 và Công ty đã đóng BHXH đầy đủ; thời gian từ tháng 5/1991 - 1/2001 bà làm công việc thời vụ, không có ký HĐLĐ nên dựa trên các căn cứ sau đây không thuộc trường hợp đóng BHXH.

Trong thời gian từ năm 2007 đến năm 2011 mặc dù tại Công ty không có đơn khiếu nại hay khởi kiện về truy thu BHXH cho những người lao động thời vụ từ năm

2004 trở về trước không có đóng bảo hiểm xã hội nhưng để đảm bảo quyền lợi cho những người lao động về sau thì Công ty cũng đã rà soát và có nhiều văn bản gửi đến các cơ quan chức năng như Bảo hiểm xã hội tỉnh, Sở lao động –Thương binh và xã hội tỉnh, Tổng Công ty bảo hiểm để xin truy nộp bổ sung BHXH nhưng không thể thực hiện được do thời điểm này Công ty không có đầy đủ hồ sơ theo yêu cầu của Công ty BHXH tỉnh ĐN, cụ thể:

Tại Biên bản làm việc ngày 02/6/2011 giữa Công ty BHXH tỉnh ĐN và Công ty cổ phần HV, để có cơ sở truy thu BHXH cho các lao động làm việc tại Công ty chưa đóng BHXH từ năm 1989 đến 2004 Công ty phải cung cấp các hồ sơ sau đây:

- Danh sách lao động và bảng thanh toán tiền lương, tiền công liên quan đến quá trình truy đóng của ngươì lao động.

- Các Quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc, các quyết định lương, bảng thanh toán tiền lương, tiền công và các hồ sơ khác có liên quan đến thời gian truy đóng của người lao động.

- Quyết định xử phạt vi phạm về đóng BHXH của thanh tra Sở Lao động TB & XH.

Với yêu cầu điều kiện như trên của BHXH tỉnh thì phía Công ty không đáp ứng được do những lao động trong thời gian này chỉ là lao động thời vụ thời hạn dưới 3 tháng nên Công ty không ký hợp đồng lao động chỉ giao kết bằng miệng, lương tiền công theo ngày hoặc lương khoán đã có tính thêm 30% bao gồm BHXH, nghỉ phép, thưởng,… để người lao động tự lo nên không có bảng lương ổn định theo tháng, theo năm.

Ngày 18/11/2010, Công ty cũng có văn bản số 358/CPHV-TCHC gửi Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh nêu ý kiến đối với yêu cầu của BHXH tỉnh, Công ty không đáp ứng được để truy thu đóng BHXH cho các trường hợp lao động nêu trên và xin ý kiến hướng dẫn của Sở.

Ngày 13/12/2010, Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh có công văn số 1774/LĐTBXH –CSLĐ phúc đáp cho Công ty có nội dung như :

"*Căn cứ quy định tại Điều 28 BLLĐ ...đối với một số công việc có tính chất tạm thời mà thời hạn dưới 3 tháng hoặc đối với lao động giúp việc gia đình thì các bên có thể giao kết bằng miệng..".*

Căn cứ quy định tại Điều 1, sửa đổi khoản 2, mục II, thông tư số 21/2003/TT –BLĐTBXH có quy định: Hợp đồng lao động giao kết với người hưởng lương hưu hàng tháng và làm việc có thời gian dưới 3 tháng thì ngoài phần tiền lương công việc, người lao động còn được người sử dụng lao động thanh toán tiền theo tỷ lệ % so với tiền lương theo hợp đồng lao động gồm: BHXH, BHYT, Nghỉ phép năm…."

Căn cứ các văn bản pháp luật về lao động như Pháp lệnh Hợp đồng lao động, ngày 30/8/1990 của Hội đồng Nhà nước và Nghị định số 165/HĐBT ngày 12/5/1992 của Hội đồng Bộ trưởng về Quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh hợp đồng lao động, Bộ luật lao động năm 1994 và các văn bản hướng dẫn thi hành thì đối với những trường hợp lao động thời vụ từ năm 2004 trở về trước Công ty chỉ giao kết hợp đồng bằng miệng là đúng.

Thông tư 06/TT-BLĐTBXH ngày 4/4/1995 của Bộ lao động - Thương binh và xã hội hướng dẫn thi hành môt số điều của Điều lệ BHXH ban hành kèm theo nghị định số 12/NĐ-CP ngày 26/01/1995 của Chính phủ tại điểm A quy định "*Các đối tượng quy định tại Điều 3 của Điều lệ Bảo hiểm xã hội nếu làm hợp đồng theo mùa vụ hoặc một công việc nhất định mà thời hạn dưới 3 tháng thì không thuộc diện bắt buộc áp dụng Điều lệ Bảo hiểm xã hội*".

Do đó, đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu khởi kiện lương ngừng việc bởi vì vào tháng 10 năm 2007, Công ty cổ phần HV có nhận được đơn tập thể của 162 công nhân làm việc tại phân xưởng chế biến đề nghị lãnh đạo Công ty đóng bảo hiểm xã hội cho các công nhân làm việc thời vụ trước đó không có ký hợp đồng lao động trong đó có chữ ký của bà Đào Thị TT.

Ngoài ra, vào tháng 2 năm 2000 khi ký kết hợp đồng lao động với Công ty thuốc lá bà T có làm Tờ khai cấp sổ BHXH, bà khai trước tháng 2/2000 không có tham gia BHXH.

Qua đó cho thấy khi được ký hợp đồng lao động tháng 2/2000 bà T đã tự viết tờ khai cấp sổ BHXH, bà đã biết từ trước tháng 2/2000 không có ký hợp đồng lao động là Công ty không có đóng BHXH cho bà.

Nay bà khởi kiện yêu cầu Công ty truy đóng BHXH cho bà vì cho rằng trước đây bà không biết việc Công ty không đóng BHXH cho đến khi Công ty giải quyết chế độ nghỉ việc cho những người khác trong Công ty họ đi kiện thì bà mới biết là không đúng sự thật .

Do đó, Công ty cổ phần HV đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà T yêu cầu buộc Công ty đóng BHXH bắt buộc theo quy định cho bà do hết thời hiệu khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh ĐN do bà ĐTPH đại diện trình bày:

Bà Đào Thị TT sinh năm 1973 (mã số Bảo hiểm xã hội 4701002403) có quá trình tham gia đóng Bảo hiểm xã hội từ tháng 02/2000 đến tháng 4/2018 là 18 năm 03 tháng và tham gia đóng Bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 01/2009 đến tháng 4/2018 là 08 năm 11 tháng tại Công ty cổ phần HV (tên cũ là Công ty Nguyên liệu thuốc lá Nam).

Việc bà T yêu cầu Công ty cổ phần HV phải đóng Bảo hiểm xã hội cho bà từ tháng 5/1991 đến tháng 01/2000 là 08 năm 09 tháng; căn cứ Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của Tổng giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành quy trình thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp, quản lý sổ BHXH, thẻ bảo hiểm y tế, Bảo hiểm xã hội tỉnh ĐN có ý kiến như sau:

+ Đối với khoảng thời gian từ tháng 5/1991 đến 31/12/1994 (03 năm 08 tháng); căn cứ theo quy định tại tiết a điểm 1.1 khoản 1 Phụ lục 01 ban hành kèm theo Quyết định 595/QĐ-BHXH quy định các loại giấy tờ làm căn cứ để cấp, ghi, điều chỉnh sổ BHXH đối với người lao động có thời gian công tác trước năm 1995 (không bao gồm người bị kỷ luật buộc thôi việc hoặc tự ý bỏ việc, bị phạt tù giam

trước ngày 01/01/1995), hồ sơ bao gồm: Lý lịch gốc và lý lịch bổ sung (nếu có) của người lao động, quyết định tiếp nhận, hợp đồng lao động, các giấy tờ có liên quan khác như: quyết định nâng bậc lương, quyết định điều động hoặc quyết định chuyển công tác, quyết định phục viên xuất ngũ, chuyển ngành, giấy thôi trả lương...

+ Đối với khoảng thời gian từ ngày 01/01/1995 đến tháng 01/2000 (05 naêm 01 thaùng); tại phụ lục 2 ban hành theo Quyết định số 595/QĐ-BHXH quy định các loại giấy tờ làm căn cứ lập danh sách truy thu bảo hiểm xã hội gồm:

- Đối với người lao động làm việc trong các Doanh nghiệp Nhà nước:

+ Nếu người lao động là cán bộ công nhân viên (gồm cả người quản lý doanh nghiệp) thì giấy tờ, hồ sơ xác định đối tượng là: Quyết định bổ nhiệm (người quản lý Doanh nghiệp), tuyển dụng, xếp lương (viên chức chuyên môn nghiệp vụ, thừa hành và công nhân).

+ Nếu người lao động theo hợp đồng lao động thì giấy tờ, hồ sơ xác định đối tượng là: Hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên.

- Bảng thanh toán tiền lương (hoặc bảng kê tiền lương, tiền công nếu trả qua ATM) tương ứng thời gian truy thu.

- Loại khác: Văn bản giải trình, thuyết minh…hoặc giấy tờ liên quan đến việc khoán sản phẩm, khoán công việc,…(nếu có).

Để đảm bảo quyền lợi cho người lao động, Bảo hiểm xã hội tỉnh ĐN đề nghị Công ty cổ phần HV và bà T phối hợp cung cấp hồ sơ liên quan đến quá trình làm việc của bà T tại Công ty cổ phần HV, lập hồ sơ theo quy định gửi Bảo hiểm xã hội tỉnh ĐN thẩm định hồ sơ cộng nối thời gian công tác từ tháng 5/1991 đến tháng 12/1994 và truy thu BHXH từ tháng 01/1995 đến tháng 01/2000 cho bà T.

Tại bản án lao động sơ thẩm số 30/2019/LĐ-ST ngày 25/11/2019, Tòa án nhân dân thành phố BH đã tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị TT về tranh chấp tiền lương ngừng việc. Buộc Công ty cổ phần HV phải trả cho bà Đào Thị TT tiền lương ngừng việc năm 2016 và năm 2017 với số tiền là 9.263.000đ (Chín triệu hai trăm sáu mươi ba ngàn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị TT về việc yêu cầu Công ty cổ phần HV truy đóng Bảo hiểm xã hội bổ sung từ tháng 1/1995 đến tháng 01/2000 với mức đóng là: 6.120.000đ x 22% x 104 tháng = 140.000.000đ.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 08/01/2020, bị đơn Công ty cổ phần HV (do bà NTA đại diện theo ủy quyền) có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng, bác khởi kiện của nguyên đơn về tiền lương ngừng việc.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh ĐN phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của đương sự là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung kháng cáo:

Công ty cổ phần HV kháng cáo đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tiền lương ngừng việc.

Công ty HV cho rằng năm 2016, 2017 công ty gặp khó khăn về kinh tế dẫn đến việc công ty phải cho một số người lao động nghỉ việc. Công ty khẳng định việc trả tiền lương ngừng việc cho người lao động theo mức lương tối thiểu vùng thông qua quy chế phân phối tiền lương đã được triển khai nội dung Quy chế đầy đủ đến người lao động thông qua ban chấp hành công đoàn cơ sở trước khi thực hiện việc niêm yết công khai.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 98 Bộ luật lao động 2012 thì tiền lương ngừng việc được người lao động và người sử dụng lao động thỏa thuận nhưng không được thấp hơn mức lương tối thiểu vùng do nhà nước quy định. Công ty HV chưa chứng minh đã thỏa thuận mức lương ngừng việc vì lý do kinh tế đối với bà T mà áp dụng mức lương ngừng việc bằng với mức lương tối thiểu vùng do Nhà nước quy định từng năm; cụ thể: năm 2016 là 3.500.000đ/tháng, năm 2017 là 3.750.000đ/tháng là trái với quy định tại Khoản 3 Điều 98 BLLĐ. Mặt khác Công ty HV không có chứng cứ chứng minh tình hình sản xuất kinh doanh gặp khó khăn vì những lý do kinh tế ảnh hưởng đến hoạt động của công ty. Tại kết luận số 490/KL-TTr ngày 30/11/2017 của Thanh tra Bộ lao động Thương binh xã hội có kiến nghị Công ty thực hiện thỏa thuận với người lao động về lương ngừng việc.

Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị TT, buộc công ty cổ phần HV phải thanh toán cho bà T số tiền lương ngừng việc là 9.263.000 đồng là có căn cứ pháp luật. Đề nghị bác kháng cáo của Công ty.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Công ty HV làm trong hạn luật định, đã đóng tạm ứng án phí, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và Bảo hiểm xã hội ĐN có đơn xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2] Về nội dung: Công ty cổ phần HV kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa một phần án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tiền lương ngừng việc.

Theo hồ sơ thể hiện, các đương sự thống nhất số ngày cho bà T ngừng việc, chỉ tranh chấp về số tiền thanh toán khi ngừng việc. Theo bà T, Công ty cho bà ngừng việc thì phải thanh toán đầy đủ lương theo quy định, còn Công ty cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh gặp khó khăn vì những lý do kinh tế ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty, nên Công ty cho người lao động ngừng việc và thanh toán

tiền lương ngừng việc theo mức lương tối thiểu vùng là đúng với đúng với Thỏa ước lao động tập thể và Quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng của Công ty.

Xét trình bày của Công ty không có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ: Theo quy định tại khoản 3 Điều 98 Bộ luật lao động 2012 thì tiền lương ngừng việc được người lao động và người sử dụng lao động thỏa thuận nhưng không được thấp hơn mức lương tối thiểu vùng do nhà nước quy định. Công ty HV chưa chứng minh đã thỏa thuận mức lương ngừng việc vì lý do kinh tế đối với bà T mà đã áp dụng mức lương ngừng việc bằng với mức lương tối thiểu vùng do Nhà nước quy định từng năm; cụ thể: năm 2016 là 3.500.000đ/tháng, năm 2017 là 3.750.000đ/tháng là trái với quy định tại Khoản 3 Điều 98 Bộ luật lao động. Mặt khác, theo quyết định số 336/QĐ-TTr, ngày 01/9/2017 của Thanh tra Sở lao động thương binh và xã hội tỉnh ĐN và Kết luận số 490/KL-TTr ngày 30/11/2017 của Thanh tra Bộ lao động Thương binh xã hội cũng đã có kiến nghị Công ty thực hiện thỏa thuận với người lao động về lương ngừng việc, nhưng hồ sơ không thể hiện có việc thỏa thuận này.

Như vậy, Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị TT, buộc Công ty cổ phần HV phải thanh toán cho bà Đào Thị TT số tiền lương ngừng việc là 9.263.000 đồng là có căn cứ pháp luật. Kháng cáo của Công ty cổ phần HV không có cơ sở chấp nhận.

[3].Về án phí: Công ty cổ phần HV phải chịu 300.000đ án phí phúc thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Bác kháng cáo của Công ty cổ phần HV, giữ y bản án lao động sơ thẩm số 30/2019/LĐ-ST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố BH.

Áp dụng Pháp lệnh hợp đồng lao động ngày 30/8/1990; Điều 27; Điều 28; Điều 140 và Điều 141 Bộ luật Lao động năm 1994; Điều 93, Điều 98; và Điều 202 Bộ luật Lao động năm 2012; Điều 357, Điều 468 Bộ Luật Dân sự năm 2015; Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động; Nghị định số 49/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 quy định chi tiết Bộ luật Lao động về tiền lương và Thông tư số 23/2015/TT-BLĐTBXH ngày 23/6/2015; Điều lệ bảo hiểm xã hội ban hành kèm theo Nghị định số 12/CP ngày 26/01/1995 của Chính Phủ và Điều 23 Nghị định 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015; Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị TT về tranh chấp tiền lương ngừng việc. Buộc Công ty cổ phần HV phải trả cho bà Đào Thị TT tiền lương ngừng việc năm 2016 và năm 2017 với số tiền là 9.263.000đ (Chín triệu hai trăm sáu mươi ba ngàn đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị TT về việc yêu cầu Công ty cổ phần HV truy đóng Bảo hiểm xã hội bổ sung từ tháng 1/1995 đến tháng 01/2000 với mức đóng là: 6.120.000đ x 22% x 104 tháng = 140.000.000đ.

3. Về án phí: Công ty cổ phần HV phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí lao động sơ thẩm và 300.000đ án phí lao động phúc thẩm. Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí Công ty cổ phần HV đã nộp theo biên lai thu số 0008063 ngày 13/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BH được trừ vào án phí phúc thẩm Công ty phải chịu. Công ty còn phải đóng 300.000 đồng án phí lao động sơ thẩm.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh ĐN;
- TAND TP. BH;
- Chi cục THADS TP. BH;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Lê Văn quý **Trần Vĩnh Yên** **Vũ Thị Thu**